

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
1	4	T000001	2	Toán, MT Toán	Nguyễn Hải An					
2	4	T000002	11	Toán, MT Toán	VÕ LƯU AN					
3	4	T000003	17	Toán, MT Toán	Lâu Phú An					
4	4	T000004	19	Toán, MT Toán	Nguyễn Thọ Châu An					
5	4	T000005	41	Toán, MT Toán	Lê Nguyễn Nhật Anh					
6	4	T000006	42	Toán, MT Toán	Lê Phạm Mai Anh					
7	4	T000007	73	Toán, MT Toán	Nguyễn Hoàng Thục Anh					
8	4	T000008	78	Toán, MT Toán	Hoàng Thiên Ân					
9	4	T000009	81	Toán, MT Toán	Nguyễn Hoàng Bách					
10	4	T000010	87	Toán, MT Toán	Dương Quốc Bảo					
11	4	T000011	91	Toán, MT Toán	Lê Kim Biển					
12	4	T000012	109	Toán, MT Toán	Lê Sỹ Cường					
13	4	T000013	123	Toán, MT Toán	Bùi Nhật Dũng					
14	4	T000014	141	Toán, MT Toán	Đỗ Trung Dương					
15	4	T000015	146	Toán, MT Toán	Huỳnh Bá Đại					
16	4	T000016	155	Toán, MT Toán	Nguyễn Tiến Đạt					
17	4	T000017	160	Toán, MT Toán	Nguyễn Tiến Đạt					
18	4	T000018	163	Toán, MT Toán	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG ĐĂNG					
19	4	T000019	167	Toán, MT Toán	Vô Văn Minh Đức					
20	4	T000020	168	Toán, MT Toán	Trịnh Hồng Đức					
21	4	T000021	171	Toán, MT Toán	PHAN PHẠM HOÀNG GIA					
22	4	T000022	180	Toán, MT Toán	Nguyễn phan hương giang					
23	4	T000023	186	Toán, MT Toán	Nguyễn Minh Hải					
24	4	T000024	205	Toán, MT Toán	Trần Nguyễn Gia Hân					
25	4	T000025	214	Toán, MT Toán	Nguyễn Thụy Ngọc Hân					
26	4	T000026	215	Toán, MT Toán	Tô Thanh Hân					
27	4	T000027	217	Toán, MT Toán	Nguyễn Đức Hiền					
28	4	T000028	228	Toán, MT Toán	Trương Phạm Thu Hoài					

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
29	5	T000029	251	Toán, MT Toán	Nguyễn đức huy					
30	5	T000030	259	Toán, MT Toán	Huỳnh Minh Huy					
31	5	T000031	272	Toán, MT Toán	Hoàng Gia Phúc Hưng					
32	5	T000032	279	Toán, MT Toán	Lê Long Hưng					
33	5	T000033	290	Toán, MT Toán	Hồ Quang Khải					
34	5	T000034	296	Toán, MT Toán	Tăng Minh Khang					
35	5	T000035	305	Toán, MT Toán	Nguyễn Hà Vĩnh Khang					
36	5	T000036	341	Toán, MT Toán	HUỲNH GIA KHÔI					
37	5	T000037	344	Toán, MT Toán	Lâm Nguyên Khôi					
38	5	T000038	364	Toán, MT Toán	Lâm Nhã Kỳ					
39	5	T000039	374	Toán, MT Toán	TRẦN LÂM					
40	5	T000040	376	Toán, MT Toán	Trần Thủy Lâm					
41	5	T000041	388	Toán, MT Toán	Lê Hà Linh					
42	5	T000042	394	Toán, MT Toán	Trần Phan Thủy Linh					
43	5	T000043	396	Toán, MT Toán	Võ Duy Linh					
44	5	T000044	398	Toán, MT Toán	Phan Huỳnh Thực Linh					
45	5	T000045	411	Toán, MT Toán	Vũ Hoàng Vĩnh Lộc					
46	5	T000046	414	Toán, MT Toán	LÝ GIA LUÂN					
47	5	T000047	416	Toán, MT Toán	Đinh Khánh Lương					
48	5	T000048	442	Toán, MT Toán	Đoàn Tuệ Minh					
49	5	T000049	500	Toán, MT Toán	Lục Trọng Nghĩa					
50	5	T000050	511	Toán, MT Toán	Lê Trần Yến Ngọc					
51	5	T000051	545	Toán, MT Toán	Huỳnh Phúc Nguyên					
52	5	T000052	546	Toán, MT Toán	Phạm Khôi Nguyên					
53	5	T000053	549	Toán, MT Toán	Nguyễn Đắc Nguyên					
54	5	T000054	581	Toán, MT Toán	Phạm Yến Nhi					
55	5	T000055	589	Toán, MT Toán	Phạm Đặng Yến Nhi					
56	5	T000056	602	Toán, MT Toán	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như					
57	5	T000057	603	Toán, MT Toán	Phạm Đặng Yến Oanh					

DANH SÁCH PHÒNG THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HS GIỎI KHỐI 10
MÔN:..... PHÒNG:

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
58	6	T000058	618	Toán, MT Toán	Phan Huỳnh Gia Phát					
59	6	T000059	642	Toán, MT Toán	Nguyễn Hải Thiên Phúc					
60	6	T000060	647	Toán, MT Toán	Nguyễn Thị Hồng Phúc					
61	6	T000061	668	Toán, MT Toán	Lê Võ Nhật Quang					
62	6	T000062	694	Toán, MT Toán	Nguyễn Trần Trúc Quỳnh					
63	6	T000063	704	Toán, MT Toán	Nguyễn Thành Tài					
64	6	T000064	715	Toán, MT Toán	Lê Nhật Tân					
65	6	T000065	723	Toán, MT Toán	Lê Hoàng Mỹ Thanh					
66	6	T000066	725	Toán, MT Toán	Võ Kiến Thành					
67	6	T000067	727	Toán, MT Toán	Phạm An Thạnh					
68	6	T000068	738	Toán, MT Toán	Ngô Thanh Thiên					
69	6	T000069	785	Toán, MT Toán	Lê Trần Bảo Thy					
70	6	T000070	789	Toán, MT Toán	Vũ Đỗ Ngọc Tiên					
71	6	T000071	795	Toán, MT Toán	Phan Xuân Tiến					
72	6	T000072	796	Toán, MT Toán	Võ Hữu Tiến					
73	6	T000073	799	Toán, MT Toán	Nguyễn Ảnh Toàn					
74	6	T000074	808	Toán, MT Toán	Nguyễn Hồ Ngọc Trâm					
75	6	T000075	818	Toán, MT Toán	Lê Đỗ Bảo Trân					
76	6	T000076	827	Toán, MT Toán	Đặng Minh Trí					
77	6	T000077	832	Toán, MT Toán	Lê Minh Triết					
78	6	T000078	849	Toán, MT Toán	Nguyễn Lê Anh Tuấn					
79	6	T000079	868	Toán, MT Toán	Nguyễn Thị Thủy Vân					
80	6	T000080	872	Toán, MT Toán	Trần Ngọc Thảo Vi					
81	6	T000081	875	Toán, MT Toán	Bùi Quốc Việt					
82	6	T000082	878	Toán, MT Toán	Đặng Ngọc Hồng Vinh					
83	6	T000083	879	Toán, MT Toán	Nguyễn Thành Vinh					
84	6	T000084	908	Toán, MT Toán	Tân Nguyễn Tường Vy					
85	6	T000085	910	Toán, MT Toán	Nguyễn Ngọc Khánh Vy					
86	6	T000086	055	Toán, MT Toán	Nguyễn Thị Quỳnh Anh					